

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 04 tháng 12, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





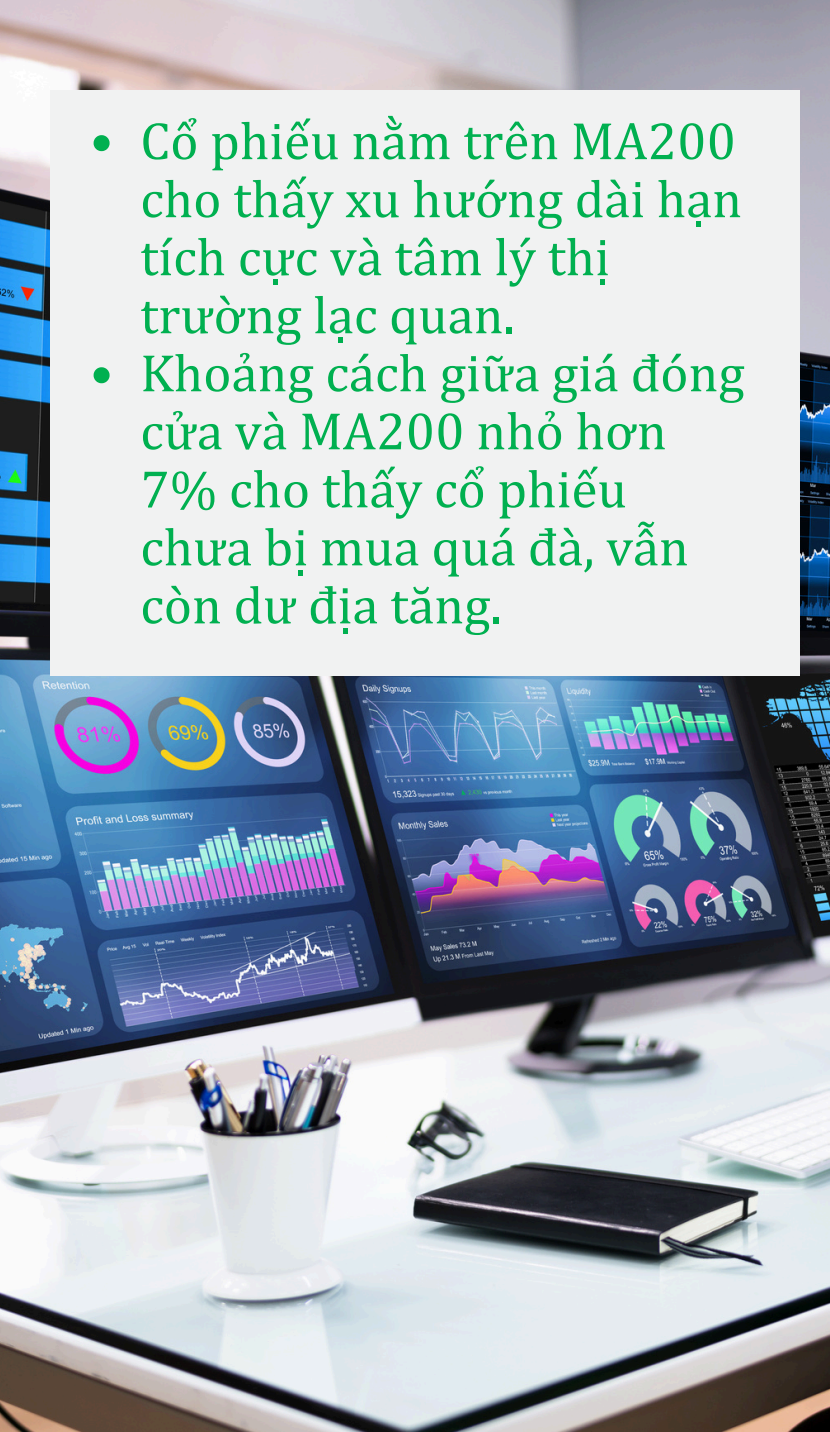
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	DDB	03/12/2025	12	668.200	83.563	8
2	FRT	03/12/2025	155.1	2.151.500	556.893	3.86
3	BAF	03/12/2025	33.9	5.598.700	1.577.720	3.55
4	PHR	03/12/2025	58	704.700	204.670	3.44
5	SAB	03/12/2025	51.9	3.232.100	1.033.640	3.13
6	CTG	03/12/2025	52	22.662.700	7.351.507	03.08
7	ACV	03/12/2025	54.9	2.798.600	934.357	3
8	PET	03/12/2025	35.9	3.570.000	1.210.977	2.95
9	DHC	03/12/2025	33	705.400	249.837	2.82
10	PLP	03/12/2025	7.93	751.100	282.047	2.66
11	NRC	03/12/2025	6.4	2.420.600	940.313	2.57
12	MBB	03/12/2025	24.55	56.674.900	23.244.404	2.44
13	MWG	03/12/2025	84.7	15.177.100	6.262.064	2.42
14	FIT	03/12/2025	05.08	2.282.000	953.177	2.39
15	VPL	03/12/2025	100	1.220.200	555.110	2.2
16	TPB	03/12/2025	17.35	17.159.000	7.816.170	2.2
17	VIB	03/12/2025	18.8	9.732.300	4.562.710	2.13
18	VFS	03/12/2025	15.9	3.867.500	1.812.690	2.13
19	BIG	03/12/2025	6.5	781.100	370.607	2.11
20	TLG	03/12/2025	63.4	557.100	272.983	02.04
21	VCB	03/12/2025	58.9	6.161.200	3.031.543	02.03
22	ABB	03/12/2025	15.3	8.667.000	4.320.370	02.01
23	MSN	03/12/2025	80.6	12.175.800	6.368.840	1.91
24	NTL	03/12/2025	18.65	1.799.100	943.570	1.91
25	PC1	03/12/2025	23.25	4.389.000	2.357.657	1.86
26	DCL	03/12/2025	41	2058800	1116230	1.84
27	BID	03/12/2025	38.4	4011700	2190037	1.83
28	CRE	03/12/2025	9.69	972800	553967	1.76



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAV	03/12/2025	7.1	623.200	64.36	6.7	6	0.16	0.11
2	BID	03/12/2025	38.4	1.585.280	55.33	38.01	01.02	-0.27	-0.36
3	DPM	03/12/2025	23.3	3.180.380	45.73	22.18	05.05	-0.43	0.32
4	DRI	03/12/2025	13	640.480	62.31	12.37	5.12	0.14	-0.08
5	EVF	03/12/2025	12.1	2.538.680	43.71	11.78	2.71	-0.3	0.08
6	GAS	03/12/2025	64.5	1.084.510	59.85	61.72	4.5	0.24	0.14
7	IDC	03/12/2025	38.5	2.015.240	51.67	38.2	0.79	0.17	-0.89
8	KSB	03/12/2025	18.5	848.030	49.08	18.24	1.41	-0.17	0.19
9	LCG	03/12/2025	10.15	1.201.520	43.04	9.98	1.68	-0.2	0.09
10	MSH	03/12/2025	34.15	596.260	45.56	32.75	4.27	0.25	0.02
11	NTL	03/12/2025	18.65	583.370	55.69	17.95	3.93	-0.15	-0.29
12	PVT	03/12/2025	18.75	4.526.530	55.98	17.94	4.52	0.12	-0.27
13	STB	03/12/2025	49.7	5.943.340	43.49	47.37	4.91	-1.43	0.94
14	TNG	03/12/2025	19.3	719.500	52.07	18.78	2.75	0.05	-0.35
15	VC3	03/12/2025	28	928.840	52.25	26.62	5.17	-0.14	0.1
16	VCG	03/12/2025	24.1	3.785.640	44.96	22.84	5.53	-0.6	0.64
17	VGI	03/12/2025	74.6	714.320	49.27	73.15	1.98	0.44	-2.02
18	VGT	03/12/2025	12.7	611.740	55.65	12.07	5.25	0.07	-0.01
19	VHC	03/12/2025	57.5	852.320	49.87	56.5	1.77	0.34	-0.98
20	VIB	03/12/2025	18.8	4.492.340	52.04	17.96	4.69	-0.32	0.1
21	VND	03/12/2025	19	12.260.190	44.47	18.47	2.89	-0.77	0.43



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	15.3	15.4	4.270.010
2	DCL	41	41.6	1083460
3	HID	9.16	9.16	1.420.340
4	HII	7.55	7.89	1.037.750
5	MCH	220.3	230	389240
6	PLP	7.93	8.34	687.230
7	VNP	23	24.2	258.240

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	FRT	155.1	148.5	554.540
2	MST	6.6	6.6	2.949.500
3	PET	35.9	34.4	1332280
4	TLG	63.4	63.4	558.380

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CCC	12.8	12.55	85.370
2	KSF	70	68.2	24.590
3	PCH	18.3	18.3	106.340
4	RYG	10.4	10	430.620
5	SGR	19.7	18.85	178.570
6	TCO	9.35	9	120.560

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	APG	10.75	10.6	291.890
2	BTH	28	27	12.260
3	C47	9.68	9.4	29.390
4	CCC	12.8	12.55	85.370
5	CHP	31.6	31.5	38.260
6	DDV	26.4	25.8	704.250
7	KHS	16.2	15.7	13.020
8	KSF	70	68.2	24.590
9	PCH	18.3	18.3	106.340
10	RYG	10.4	10	430.620
11	SGR	19.7	18.85	178.570
12	SJS	57.9	56.5	20.780
13	TCO	9.35	9	120.560



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BID	38.4	38.01	1.585.280
2	IDC	38.5	38.2	2.015.240
3	VGI	74.6	73.15	714320

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACV	54.9	54.5	851.380
2	BAF	33.9	33.04	1.845.740
3	BID	38.4	38.38	1585280
4	CTG	52	50.33	7.397.730
5	KDH	34.2	33.8	5.562.990
6	LDG	4.6	4.6	2.054.820
7	MSN	80.6	80.15	4.864.490
8	MWG	84.7	80.93	5.513.700
9	NAB	14.85	14.53	1463220
10	NTL	18.65	18.46	583370
11	TNG	19.3	18.92	719500
12	VGI	74.6	72.73	714320

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	8.8	8.76	780.830
2	ACV	54.9	54.15	851.380
3	BID	38.4	37.78	1585280
4	BVB	13.04	13.39	738.290
5	C4G	8.4	8.36	728.020
7	CTS	35.25	35.06	704550
8	HBC	6.4	6.31	975370
9	HCM	22.7	22.51	5647580
10	HQC	3.15	3.12	7235280
11	LDG	4.6	4.57	2054820
12	MWG	84.7	80.25	5513700
13	NAB	14.85	14.4	1463220
14	NRC	6.4	06.02	665140
15	NT2	24	23.67	607320
16	STB	49.7	49.52	5943340
17	TNG	19.3	19.26	719500
18	VC3	28	27.66	928840
19	VCG	24.1	24	3785640
20	VIB	18.8	18.52	4492340
16	VTZ	18.4	18.31	1148560

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	3.6	3.67	696.260

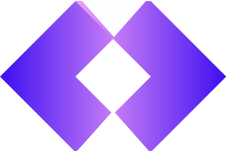
Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	VRE	34.5	34.78	10.382.010



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	03/12/2025	46.4	45.3	46.5	2.6	18.360
2	SJD	03/12/2025	14.01	13.9	14.76	6.2	44.900
3	TDT	03/12/2025	6.6	6.4	6.8	6.3	38.160
4	TCL	03/12/2025	34.45	33.3	35.4	6.3	20.100
5	FOC	03/12/2025	64.2	63.5	67.5	6.3	8.900
6	SGN	03/12/2025	60	59.9	64	6.8	6.540
7	QTP	03/12/2025	12.8	12.7	13.6	7.1	108.040
8	CHP	03/12/2025	31.6	31.5	33.75	7.1	23.740
9	GDT	03/12/2025	20.75	20	21.5	7.5	25.360
10	HTG	03/12/2025	46.95	44.2	47.7	7.9	10.060
11	VNS	03/12/2025	9.12	8.99	9.72	8.1	11.160
12	SCG	03/12/2025	66.5	62.1	67.2	8.2	25.420
13	DVP	03/12/2025	68	67.8	73.4	8.3	16.560
14	PVP	03/12/2025	14.45	13.56	14.75	8.8	194.740
15	HNM	03/12/2025	8.1	7.9	8.6	8.9	341.080
16	HMC	03/12/2025	11.6	11.2	12.2	8.9	10.400
17	PGC	03/12/2025	13.35	12.75	13.9	9	22.980
18	SHI	03/12/2025	14.6	13.75	15	9.1	501.660
19	TVD	03/12/2025	10.3	9.9	10.8	9.1	19.060
20	NTC	03/12/2025	159.7	155.1	169.2	9.1	14.020
21	CLX	03/12/2025	16	15.3	16.7	9.2	64440
22	PPH	03/12/2025	27.9	25.99	28.37	9.2	16700
23	PPC	03/12/2025	10	9.6	10.5	9.4	178960
24	DBD	03/12/2025	50.4	49.8	54.5	9.4	32880
25	VGP	03/12/2025	28.5	26.13	28.59	9.4	14720
26	CQN	03/12/2025	31.5	30.5	33.4	9.5	18080
27	HUB	03/12/2025	15.7	15.3	16.75	9.5	5720
28	DHG	03/12/2025	103.2	100.4	110	9.6	6200



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009